

Bài báo nghiên cứu

Ý THỨC DÂN TỘC TRONG VĂN HỌC YÊU NƯỚC NAM BỘ NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX

Nguyễn Kim Châu

Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Kim Châu – Email: nkchau@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 23-10-2024; ngày nhận bài sửa: 20-02-2025; ngày duyệt đăng: 22-02-2025

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu bản chất, cấu trúc, vai trò của ý thức dân tộc và những biểu hiện của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX, nhằm hướng tới mục đích khẳng định những đóng góp của bộ phận văn học này trong việc khơi dậy ý thức dân tộc, ý thức về cội nguồn, truyền thống lịch sử, văn hóa, bản sắc, ý thức về lãnh thổ và chủ quyền dân tộc, để từ đó, phát huy tinh thần đoàn kết, sức mạnh đấu tranh của những phong trào giải phóng dân tộc trong thời kì chống Pháp xâm lược. Những biểu hiện phong phú, sinh động của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX cũng là cơ sở để góp phần xác lập đặc điểm, giá trị, vị trí của bộ phận văn học này trong tiến trình phát triển của văn học yêu nước Việt Nam thời trung đại.

Từ khóa: dân tộc; chủ nghĩa dân tộc; ý thức dân tộc; văn học yêu nước Nam Bộ

1. Đặt vấn đề

Nếu chủ nghĩa dân tộc, với tư cách là một hệ tư tưởng, chỉ xuất hiện từ thế kỉ XVIII về sau, thì ý thức dân tộc lại được hình thành từ rất sớm, ngay khi có ý thức về sự “thuộc về” một cộng đồng người có chung nguồn gốc, địa bàn cư trú, lịch sử, ngôn ngữ, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa..., những gì tạo nên sự khác biệt so với các cộng đồng khác. Là một hiện tượng tinh thần, ý thức dân tộc luôn vận động trong mạch ngầm lịch sử, thẩm thấu trong truyền thống tư tưởng, in dấu ấn chi phối của nó trong mỗi biến cố, sự kiện liên quan đến lịch sử dân tộc. Trong những thời đoạn đặc biệt, sự đe dọa bởi những thế lực bên ngoài đến vận mệnh tồn vong của một dân tộc là lực tác động đủ lớn để kích hoạt cơ chế đề kháng, thúc đẩy sự trỗi dậy mạnh mẽ của ý thức dân tộc, ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên trong sứ mệnh bảo vệ cộng đồng mà nó thuộc về.

Sức trỗi dậy mạnh mẽ của ý thức dân tộc đã được chứng minh hùng hồn bằng thực tiễn dựng nước và bảo vệ chủ quyền của dân tộc Việt suốt hơn hai nghìn năm với biết bao trang sử ghi nhận những cuộc khởi nghĩa giành độc lập, những cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, trong đó, không thể không nhắc đến thời kì kháng chiến chống Pháp đau thương và anh dũng nửa cuối thế kỉ XIX. Một cuộc xâm lăng quân sự với sức mạnh của vũ khí, kĩ thuật tiên tiến, hiện đại dẫn đến sự kết thúc quyền lực thực chất của vương triều Nguyễn và sự đổ vỡ của nền tảng

Cite this article as: Nguyen Kim Chau (2025). National consciousness in Southern Vietnamese patriotic literature in the late nineteenth century. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(2), 363-374.

tư tưởng đạo đức thẩm mỹ phong kiến chính thống... đó thực sự là cú sốc đối với một dân tộc từng có lịch sử hàng nghìn năm chống giặc ngoại xâm. Thế nhưng, cũng chính trong thử nghiệm lịch sử lớn lao, đau đớn đó, sức mạnh tiềm ẩn bên trong của những giá trị truyền thống, đặc biệt là ý thức dân tộc, lại có điều kiện trỗi dậy mạnh mẽ, trở thành nhân tố tích cực quan trọng mà giới trí thức dân tộc có thể khai thác trong mục đích khơi dậy tinh thần yêu nước, cổ vũ các phong trào kháng chiến chống Pháp thông qua các tác phẩm văn học. Do đó, việc tìm hiểu những biểu hiện của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX hứa hẹn sẽ cung cấp một vài minh chứng từ thực tiễn sáng tác để làm rõ hơn nữa vấn đề tính dân tộc, tiến trình phát triển của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Việt Nam thời trung đại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Ý thức dân tộc – khái niệm và đặc điểm

Ý thức dân tộc là một chỉnh thể phức hợp, bao gồm nhận thức, ý chí, niềm tin, khát vọng của các thành viên trong một cộng đồng dân tộc. Nó giúp cho mỗi cá nhân tự nhận thức sự gắn bó hữu cơ của mình trong cộng đồng và nhờ đó, cộng đồng có được sức mạnh của sự đoàn kết, của cơ chế tự đề kháng, bảo vệ để chống lại sự xâm lăng, đồng hóa của các dân tộc khác. Ý thức dân tộc trước hết là ý thức về sự tồn tại trong mối liên kết hữu cơ của một cá nhân với dân tộc. Mối liên kết đó được thiết lập và củng cố dựa trên cơ sở quan hệ đồng nhất về nguồn gốc, ngôn ngữ, bản sắc văn hóa... khiến cho cái tôi cá nhân vừa cảm thấy tự hào vừa luôn có ý thức về vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong việc sở hữu, kế thừa, bảo vệ di sản chung của cộng đồng; tự nguyện gắn kết, phục vụ và thậm chí sẵn sàng hi sinh cho lí tưởng chính nghĩa lớn lao là sự ổn định và phát triển của dân tộc. Nhận thức về mối liên kết đó càng sâu sắc thì ý chí, niềm tin, khát vọng của từng thành viên trong cộng đồng càng trở nên mạnh mẽ và nhờ đó, một dân tộc không những có thể ổn định, phát triển mà còn có đủ nội lực, bản lĩnh để vượt qua những biến cố lịch sử sống còn.

Sự hình thành và phát triển của ý thức dân tộc gắn liền với nhu cầu xác lập sự tồn tại, bản sắc của một cộng đồng dân tộc để phân biệt với những cộng đồng khác trên cơ sở quan hệ gắn kết chặt chẽ của từng cá nhân với cộng đồng nên, ý thức dân tộc được xem là một trong những nhân tố cấu thành dân tộc. Theo quan điểm của Hugh Seton-Watson, “Một dân tộc là một cộng đồng người, trong đó, các thành viên gắn bó với nhau bằng ý thức đoàn kết, chung một nền văn hóa, một ý thức dân tộc” (Seton-Watson, 1997, p.1)². Với mục đích nhận diện các nhân tố cấu thành dân tộc, trong bài giảng nổi tiếng *Thế nào là một dân tộc (Qu'est ce qu'une nation?)*, Ernest Renan đã căn cứ vào thực tiễn lịch sử hình thành và phát triển các dân tộc, các hình thái nhà nước phương Tây thời kì tiền hiện đại để chỉ ra độ chênh lệch với lí thuyết, lí giải những chỗ bất cập khi xác lập nội hàm của khái niệm dân tộc dựa trên cơ sở các tham tố như chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, địa lí... và đề xuất một cách hiểu về dân tộc dựa trên “nguyên tắc tinh thần” chi phối xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại. Theo đó, dân tộc phải được hình thành và phát triển trên hai cơ sở: “Một là sở hữu chung của một di sản kí ức phong phú; hai là sự đồng thuận trong hiện tại, nguyện vọng chung sống, ý chí tiếp tục

² Nguyên văn: “A nation is a community of people, whose members are bound together by a sense of solidarity, a common culture, a national consciousness”. (Seton-Watson, 1997, p.1)

khẳng định phần di sản đã thừa nhận” (Renan, 1990, p.19)³. Với cách hiểu này, có thể xem ý thức đồng sở hữu các di sản quá khứ của cộng đồng, ý chí tiếp tục kế thừa, bảo vệ, phát huy những di sản chung đó trong hiện tại và tương lai cũng chính là phần căn cốt của ý thức dân tộc. Vì vậy, ý thức dân tộc phải được xem là một trong những tham tố quan trọng trong tiến trình hình thành và phát triển của dân tộc.

Mặt khác, “ý thức dân tộc không chỉ là những biểu hiện trù tượng của tinh thần con người mà còn là những vận động, tình cảm có nội dung lịch sử cụ thể, xuất phát từ những điều kiện lịch sử xã hội cụ thể” (Kamenka, 1973, p.6)⁴, cho nên, quá trình hình thành và phát triển của ý thức dân tộc bao giờ cũng gắn liền với lịch sử dân tộc, với những biểu hiện đa dạng, đậm nhạt tùy từng thời kì, điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn. Đáng chú ý nhất vẫn là những giai đoạn mà dân tộc phải đứng trước những biến cố, thử thách khắc nghiệt của lịch sử khi vận mệnh tồn vong, truyền thống, bản sắc văn hóa, thiết chế chính trị của một cộng đồng phải đứng trước nguy cơ của một cuộc xâm lăng quân sự, một thách thức về kinh tế-xã hội hay một mối đe dọa đồng hóa trong làn sóng tiếp xúc, tương tác văn hóa mang tính chất áp đặt bằng các thủ đoạn cực đoan, đặc biệt là vũ lực. Tất cả những biến cố này đều dẫn đến những cú sốc kích ứng cơ chế tự phản vệ của dân tộc, khiến cho nguồn nham thạch ý thức dân tộc tiềm ẩn trong tâm thức cộng đồng nóng dần, sôi sục để chỉ cần một chấn động, một lời kêu gọi đủ hiệu lực, một mối lửa từ các phong trào dân tộc là bùng nổ.

Vai trò tác động, đánh thức, khơi dậy, cổ vũ ý thức dân tộc, trong thực tế, thường thuộc về giới trí thức dân tộc. Họ là những người tự nhận sứ mệnh nhận thức các thông số của truyền thống văn hóa dân tộc, tái tạo, tái diễn giải truyền thống đó trong mục đích chính trị hóa ý thức dân tộc để phục vụ hiệu quả cho các phong trào dân tộc như Anthony D. Smith đã đúc kết trong *Chủ nghĩa dân tộc – Lí thuyết và tư tưởng*:

Những khám phá và tái tạo của giới trí thức và những người khác phải càng gần với nhận thức phổ biến càng tốt. Họ phải tuân thủ các thông số của truyền thống văn hóa của dân tộc, chính trị hóa ý thức cộng đồng dân tộc của họ và diễn giải lại những truyền thống đó như những nguồn lực văn hóa sâu sắc cho một cuộc đấu tranh chính trị vì quyền tự quyết của dân tộc. (Smith, 2010, p.122)⁵.

Sở dĩ những khám phá và tái diễn giải của giới trí thức dân tộc trong các diễn ngôn chứa đựng ý thức dân tộc thường tiệm cận với nhận thức phổ biến và các thông số truyền thống văn hóa dân tộc bởi vì, ở họ, cội nguồn, truyền thống, lịch sử, bản sắc dân tộc, sự tồn tại trong và thuộc về một dân tộc, sự đồng nhất số phận cá nhân với số phận dân tộc... thường được thức nhận một cách rõ ràng, sâu sắc. Diễn ngôn của họ có hiệu lực thuyết phục mạnh mẽ nhờ thống nhất với nguyện vọng chính đáng của cộng đồng, vị trí được tôn trọng của họ

³ Nguyên văn: “One is the possession in common of a rich legacy of memories; the other is present-day consent, the desire to live together, the will to perpetuate the value of the heritage that one has received in an undivided form”. (Renan, 1990, p.19).

⁴ Nguyên văn: “Not only nationalism, then, but even tribalism, localism and national consciousness are specific historical phenomena, not mere abstract expressions of the human spirit but movements and sentiments with specific social and historical content, deriving from specific social and historical conditions”. (Kamenka, 1973, p.6)

⁵ Nguyên văn: “the rediscoveries and reconstructions of the intellectuals and others had to remain as close to popular perceptions as possible. They had to adhere to the cultural parameters of the ‘traditions of the people’, politicizing their sense of ethnic community, and reinterpreting those traditions as deep cultural resources for a political struggle for national selfdetermination”. (Smith, 2010, p.122)

trong cộng đồng và quan trọng là nhờ được chuyển hóa trong những lời hiệu triệu, những văn bản chính trị, lịch sử, văn học... có tầm phổ quát rộng lớn. Vì ý thức dân tộc được thể hiện qua tiếng nói của giới trí thức trong các văn bản văn học nên hẳn nhiên, đây chính là một trong những căn cứ quan trọng nếu muốn khảo sát sự vận động, phát triển cũng như những biểu hiện sinh động của ý thức dân tộc tại một thời đoạn lịch sử cụ thể.

Trên vùng đất mới phương Nam, từ những ngày đầu, khi thực dân Pháp chuyển hướng tấn công vào cửa biển Cần Giờ (1859), bắn phá, vây hãm các pháo đài, đồn trại ở hai bên sông Đồng Nai và chỉ trong vài ngày đã chiếm thành Gia Định (Cao, 1989, p.418) đến khi Lục tỉnh Nam Kỳ⁶ lần lượt rơi vào tay giặc, chuỗi biến cố quân sự, chính trị gắn liền với sức mạnh áp đảo của một kẻ thù xa lạ đến từ phương Tây và những chủ trương, động thái ửng phó lúng túng, bất nhất, bế tắc của triều đình nhà Nguyễn đã tác động sâu sắc đến trạng thái tinh thần tư tưởng của giới trí thức dân tộc. Những người không có điều kiện tham gia trực tiếp các phong trào kháng Pháp thì quyết định dùng ngòi bút để “đâm mấy thằng gian”, bày tỏ thái độ ủng hộ tinh thần chiến đấu, hi sinh anh dũng của người Nam Bộ. Những nhà trí thức trực tiếp tham gia kháng chiến cũng ý thức được sức mạnh của văn học nên trong những hoàn cảnh cần thiết, vẫn dùng ngòi bút thay vũ khí, góp thêm tiếng nói cổ vũ mạnh mẽ và đầy sức thuyết phục từ chính những người trong cuộc. Họ là tác giả của những văn thơ chính nghĩa, những bài phú, hịch, văn tế... ngất trời hào khí, đậm tính thời sự, tính chiến đấu. Họ tự nhận lấy vai trò khơi dậy ý thức dân tộc, đánh thức, kích hoạt sức mạnh tiềm ẩn trong mạch nguồn tư tưởng truyền thống thành động lực thúc đẩy làn sóng kháng Pháp dâng cao trong cộng đồng bằng tác phẩm văn học.

2.2. Những biểu hiện của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Nam bộ nửa cuối thế kỷ XIX

2.2.1. Ý thức sở hữu di sản chung về cội nguồn, truyền thống lịch sử

Có thể tìm thấy những biểu hiện sinh động của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX thông qua sự trình hiện nhận thức của các tác giả về mối quan hệ phụ thuộc, gắn kết, niềm tự hào, ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên trong sứ mệnh bảo vệ chủ quyền độc lập và di sản chung của cộng đồng trước mối họa xâm lăng từ một kẻ thù xa lạ, có sức mạnh quân sự tiên tiến, vượt trội. Khi một cộng đồng dân tộc phải đối đầu với hiểm họa bị xâm lược bởi một thế lực bên ngoài, với sức mạnh bất ngờ, khác biệt, không thể lường đoán được những tình huống, khả năng để ứng phó vì chưa từng có kinh nghiệm đối đầu, một chuỗi hiệu ứng tâm lý phổ biến sẽ nhanh chóng hình thành và lan rộng trong đại bộ phận cư dân của nó, bắt đầu bằng cảm giác bàng hoàng, lúng túng, lo lắng, sợ hãi vì cuộc sống bình yên cố hữu bỗng chốc bị tác động dữ dội. Khi hiểm họa ngày càng hiện diện rõ ràng và căng thẳng thông qua những biến cố, xung đột diễn ra trên một bình diện rộng, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng, cảm giác sợ hãi, hoảng loạn lúc ban đầu dần biến thành nỗi phẫn nộ, căm ghét, kì thị, uất hận. Từ đó, làn sóng phản ứng, đấu tranh dâng cao, lan nhanh, cộng hưởng dẫn đến sự bùng nổ của các phong trào dân tộc. Trong toàn bộ chuỗi phản ứng dây chuyền này, ý thức dân tộc luôn hiện diện vừa như một nhân tố khởi nguồn, kích ứng cơ chế tự

⁶ Trong bài viết, để đảm bảo tương thích với quan điểm chung của các nhà nghiên cứu, chúng tôi sử dụng từ “Nam Bộ” khi đề cập đến các hiện tượng văn học thuộc phạm vi khảo sát và các từ “Nam Kỳ”, “Nam Kỳ Lục Tỉnh” khi đề cập đến các vấn đề bối cảnh lịch sử - xã hội có liên quan.

đề kháng của cộng đồng vừa là mạch ngầm thấm thấu, chi phối xuyên suốt từng động thái phản ứng của cộng đồng và cả tiếng nói của giới trí thức đại diện cho tinh thần dân tộc.

Vì nhận thức rằng mạch ngầm gắn kết mọi thành viên trong một cộng đồng chính là ý thức về cội nguồn, truyền thống lịch sử, văn hóa, chủ quyền của tất cả người Việt Nam trên đất nước Việt Nam... nên các tác giả của dòng văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX đặc biệt quan tâm nhấn mạnh sự đồng nhất, đồng sở hữu di sản chung đó để khơi gợi niềm tự hào, tinh thần trách nhiệm, ý chí đoàn kết, đấu tranh của từng thành viên trong cuộc chiến bảo vệ quyền tự quyết và căn tính dân tộc. Ngay trong phần đầu của bài *Hịch Quân Định* xuất hiện khoảng năm 1862-1863, tác giả đã nhấn mạnh đến yếu tố nguồn cội, gốc rễ để nhắc nhở ý thức “thuộc về một dân tộc”, một nòi giống, từ đó, tha thiết kêu gọi tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên trong cộng đồng: “Nước có nguồn, cây có gốc- Huống người sinh có da có tóc - Mà sao không biết chúa biết cha? - Huống người sinh có nóc có gia- Mà sao không biết trung biết hiếu?”⁷. Trần Thiện Chánh, một chí sĩ Nam Bộ đã từng tập hợp mấy nghìn dân quân tham gia vào cuộc chiến kim chân Pháp đánh vào Gia Định năm 1859, viết bài thơ *Tản Viên sơn* để bày tỏ khát vọng đánh thắng giặc Tây Dương bằng cách đem núi Tản Viên về lấp cửa biển Cần Giờ, nhấn chìm tàu Tây, thanh tẩy mọi căn bã, ô nhục: “Hùng tâm dục tá ngũ đình sĩ - Di hướng Nam trung Cần hải đầu - Hoành tặc hải môn vạn trượng thủy - Xung chàng quỹ bạc toái vi nê - Tí âm giang hà tẩy tra tể - Công thành tuần tức khước phi hồi” (Lòng hùng hực muốn mượn sức năm lục sĩ - Dời về miền Nam cửa Cần Giờ - Lấp ngang dòng nước biển muôn trượng - Đâm mạnh vào thuyền quỷ tan nát thành bùn - Hộ trì nước sông lọc hết căn đục - Trong phút chốc thành công rồi bay về). Núi Tản Viên là ngọn núi thiêng đứng sừng sững trấn giữ cõi đất phương Nam (*Đầu Nam đệ nhất sơn - Ngật nhiên trấn khôn kì*), cây cột chống trời ở trung tâm của tinh thần đoàn kết dân tộc mà từ thuở lập nước đã nghiễm nhiên trở thành ông tổ đất Viêm Giao (*Trung ương bặt xuất kinh thiên trụ - Nghiễm tác Viêm Giao đại tổ ti*). Cho nên, nhắc đến núi Tản Viên là nhắc đến một biểu tượng có khả năng đánh thức phần sâu thẳm trong tâm thức hướng về nguồn cội, truyền thống lịch sử, khơi dậy niềm tự hào, tự tin về sức mạnh của cộng đồng và nhờ đó, có thể kích hoạt ý thức dân tộc trỗi dậy mạnh mẽ.

Mỗi dân tộc luôn có ý thức sở hữu phần di sản cội nguồn và kí ức lịch sử chung của các thế hệ nối tiếp trong tiến trình hình thành, phát triển, cho nên, khi một cá nhân hay một phần lãnh thổ thuộc chủ quyền của cộng đồng bị tách rời khỏi gốc rễ, những hệ quả tâm lí phổ biến trong tình trạng chia cắt, mất mát, bị tách rời khỏi cộng đồng mà mình thuộc về thường là tâm trạng đau đớn, xót xa; cảm giác xa lạ, lạc lõng, bất an; là phản ứng cự tuyệt, dị ứng với tình cảnh mới, là nỗi nhớ day dứt hồn nước, hồn dân tộc và khao khát được trở về nguồn cội. Nhận thức được điều đó, các tác giả văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX thường sử dụng những điển cố phù hợp để bày tỏ thái độ bất thỏa hiệp, tấm lòng chung thủy hay tình cảnh thương tâm của những người dân Nam Bộ khi bị buộc phải “ở với lũ man di rất khó” mà lòng lúc nào cũng đau đáu hướng về nguồn cội. Nguyễn Đình Chiểu nhắc chuyện ngựa Tiêu Sương “Giậm vó chẳng màng ăn cỏ Tống - Quày đầu lại hí nhớ tàu Lương”. Huỳnh Mẫn Đạt mượn chuyện Chiêu

⁷ Các trích dẫn thơ văn trong bài viết đều lấy từ *Tổng tập văn học Việt Nam*. (Tập 15) (Lê, 2000), trừ những trích dẫn thơ văn có chú thích riêng.

Quân xuất tái để tả nỗi đau đớn của một người con dân nước Việt trong tình cảnh bị tách rời khỏi tổ quốc: “Chín trùng ứa lụy rung đôi mắt- Ngàn dặm ôm tỳ tím lá gan”. Tú Tuyền, một thành viên của Thi xã Bạch Mai viết *Chiêu Quân cống Hồ* với cùng tâm trạng đó: “Năm canh nhớ Hán sâu vương ngón- Sáu khắc căm Hồ lụy ứa gan”. Một tác giả khuyết danh mượn chuyện *Nguyệt Nga cống Hồ* để bày tỏ niềm phẫn hận, thái độ cự tuyệt không chấp nhận sống chung với giặc: “Lòng tiết khứng nguyên in bóng nguyệt - Phấn lan đâu để vẽ mày Nô”; còn Bùi Hữu Nghĩa thì mượn tích Ngũ Tử Tư phải lìa Sở sang Ngô để bộc bạch tâm sự của một người trí thức cảm thấy lạc loài, bơ vơ, sống trên quê mình mà cứ tưởng như quê người: “Lạc loài nước bước dạ trăm chiều- Ngơ ngẩn quê người một ông tiêu”... Trong tình cảnh “Bờ cõi xưa đã chia đất khác” (Nguyễn Đình Chiểu), nỗi nhớ nguồn cội, nhớ hồn nước, hồn quê của những cá nhân bị cắt rời khỏi cơ thể toàn vẹn của cộng đồng dân tộc còn được thể hiện sâu sắc, thấm thía thông qua nỗi nhớ một tên gọi, một hoài niệm trong sâu thẳm tâm thức dân tộc. Đó là trường hợp Lã Xuân Oai, một trong những chí sĩ yêu nước kháng Pháp đầu tiên bị giặc đẩy ra Côn Đảo. Nhà thơ đã ghi lại cảm xúc bùi ngùi, day dứt của mình trong *Gia Định thành tức sự* khi nghe một ông già xứ quê đêm đêm vẫn hỏi niên hiệu của nước (*Thôn lão thâm canh tuân quốc hiệu*) dù cả Lục tỉnh Nam Kỳ đến thời điểm đó đã thành “tân thế giới”, một vùng đất bị chia tách đau đớn khỏi cơ thể đất nước thống nhất xa xưa (*Lục tỉnh dĩ thành tân thế giới*). Bùi ngùi, day dứt bởi vì “niên hiệu của nước” không chỉ đơn giản là chỉ dấu để xác định một quãng thời gian cụ thể trong lịch sử tồn tại của một vương triều mà ở trường hợp này, nó còn là biểu tượng cho một thời kì hoàng kim đã mất, một dân tộc đã bị tước đoạt quyền độc lập, tự chủ và tính toàn vẹn lãnh thổ.

2.2.2. Ý thức về căn tính, bản sắc văn hóa

Ngoài sở hữu kho kí ức chung về cội nguồn và truyền thống lịch sử, mỗi thành viên còn cảm thấy sự gắn kết hữu cơ của mình với cộng đồng khi thừa hưởng những đặc điểm nhận diện mang tính loại biệt với những cộng đồng khác trên cơ sở sở hữu những nét riêng được nhận thức như là căn tính, bản sắc dân tộc, trong đó, một nhân tố rất cần được tham chiếu để xác định tính loại biệt chính là bản sắc văn hóa. Đó là cơ sở để John Plamenatz trong *Hai loại hình của chủ nghĩa dân tộc* đặc biệt quan tâm đến vai trò của bản sắc văn hóa khi cho rằng: “Ý thức dân tộc chỉ là một ý thức sống động, và có lẽ cũng là niềm tự hào về những gì phân biệt dân tộc mình với các dân tộc khác. Đó là ý thức về bản sắc văn hóa” (Kamenka, 1973, p.24)⁸. Vì là cơ sở nhận diện quan trọng nên bản sắc văn hóa một mặt khơi dậy niềm tự hào, nguyện vọng gắn kết của mỗi thành viên cùng sở hữu di sản văn hóa chung của cộng đồng; còn mặt khác lại góp phần hình thành trong cộng đồng một cơ chế tự đề kháng trong đó, mỗi thành viên, tùy tính chất, mức độ, hoàn cảnh, luôn có ý thức bảo vệ tính toàn vẹn, loại biệt của bản sắc và dị ứng, cảnh giác với mọi nguy cơ xâm thực, đồng hóa từ một nền văn hóa khác biệt. Người Việt Nam, đặc biệt là những cư dân trên vùng đất Nam Bộ trong thời gian bị chiếm đóng, bị biến thành thuộc địa bởi cuộc xâm lăng quân sự giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX, ngay lập tức, đã phát triển một cảm giác dị ứng rất mạnh mẽ khi nhận ra rằng đằng sau cuộc xâm lăng quân sự là cuộc xâm lăng kinh tế, văn hóa với sức mạnh

⁸ Nguyên văn: “And national consciousness is only a lively sense of, and perhaps also a pride in, what distinguishes one’s own from other people. It is a sense of cultural identity”. (Kamenka, 1973, p.24)

lấn át của kĩ thuật tân tiến, của “tàu đồng ống khói”, “súng sắt đạn chì” (*Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây*), “Tàu khói chạy, mây tuôn sông mây khúc, lò lạt Bến Trâu; Dây thép giăng, chớp nháng đất ngàn trùng, ngả xiêu thành Phụng” (*Gia Định phú*). Họ bàng hoàng nhận ra rằng, chỉ trong một quãng thời gian ngắn ngủi mà mảnh đất, cuộc sống bình yên quen thuộc bỗng tràn ngập những kẻ lạ, khách lạ, tiếng nói lạ, quần áo lạ, nhạc lạ... Họ cảm thấy “Bờ cõi phân chia khác mắt, trông ra như quá khứ như mù; Giang sơn dờ dỗi lạ mảy, tưởng tới đường mê đường tỉnh” (*Gia Định phú*). Họ day dứt, trăn trở khi chứng kiến nếp sống ngàn đời của dân tộc bị biến dạng, đổi thay: “Áo Hán mười phần thay cách lạ- Rượu hồ một mực đắm mùi ngon” (Nguyễn Hữu Huân), hay xót xa đau đớn khi thấy xe ngựa khách “nhộn nhàng” ngay trên đất nước mình: “Xe ngựa nhộn nhàng, xe ngựa khách- Nước non vun quén nước non mình” (Phan Văn Trị), “Nghe xe ngựa khách, tai nhường lạ- Trông nước non ta, mắt đã chồn” (*Ở khám Gia Định họa với ông An Hội - Lã Xuân Oai*)... Họ nghe những tiếng nói lạ (thù ngữ) chen lẫn trong tiếng còi xe mà không thể nào hiểu được (*Thù ngữ truyền lâu cổ - Huyền thanh trực giá linh*, bài thơ *Gia Định thành dạ gian khẩu chiếm* của Lã Xuân Oai)...

Người Nam Bộ lo lắng, sợ hãi, đau đớn không chỉ vì mất đất, mất chủ quyền chính trị mà còn vì nguy cơ mất căn tính, bản sắc dân tộc khi chứng kiến văn hóa ngoại lai đang bào mòn, hủy hoại những giá trị truyền thống. Trước thực trạng đó, phản ứng dễ thấy trong đại bộ phận cộng đồng là tỏ ra kì thị, khinh miệt, dị ứng với mọi sự khác biệt, không chấp nhận sự hòa tan, lẫn lộn, xem những thứ thuộc văn hóa Lang Sa đều thấp kém, hạ đẳng, có nguy cơ làm suy phong hoại tục. Những câu ca dao lưu truyền trong dân gian được trích dẫn sau đây chỉ là vài minh chứng cho thái độ phổ biến của cộng đồng cư dân mỗi khi nhắc đến những đổi thay đáng sợ bắt đầu từ lúc có sự áp đặt, hiện diện của nền văn minh xa lạ: “Văn minh gặp buổi Lang Sa - Tri âm thì ít, trắng hoa thì nhiều”, “Xưa kia ta ở với ta- Bây giờ có Phú Lãng Sa lọt vào - Bởi chưng đất thấp trời cao - An Nam Quảng Tổng thì vào hòng Tây- Bây giờ khổ bị đi giày - Bởi sông hai bên làm ngay nền nhà- Con đi lại hóa ra bà- Trẻ con đặc thế bà già thất kinh” (Nguyễn, 1987, p.55). Phản ứng cực tột có thể quyết liệt tới mức không đi con đường nhựa do Tây làm, không sử dụng xà phòng do Tây sản xuất⁹, thậm chí không ăn bánh mì của Tây phát như ghi nhận của một bài biểu tấu trình về Dân tình ba tỉnh miền Đông sau hàng ước 1862: “Bọn Tây đem bánh mì cũ trong kho phát đi cho các xã. Nhân dân không nhận không được. Nhưng khi phái viên Tây về rồi, ai cũng vớt bánh xuống sông hay cho heo cho chó chứ không thèm ăn” (Le, 2000, p.959)... Những phản ứng cực đoan này xuất phát từ tâm thức duy nhất (Uniqueness) và loại trừ (exclusion), một tâm thức “độc quyền” như là hệ quả tất yếu của niềm tự hào về bản sắc văn hóa mà A. D. Smith đã đúc kết trong *Dân tộc và nguồn gốc của các dân tộc*. Theo đó, “tất cả các dân tộc thời tiền hiện đại đều kết hợp cảm thức về tính duy nhất tập thể với cảm thức về tính trung tâm ở những mức độ khác nhau” và chính điều này đã dẫn đến “thái độ coi thường hoặc sợ hãi tương ứng với các phong cách sống bên ngoài. Do đó, thuật ngữ chủ nghĩa chủng tộc (Ethnocentrism) là dùng để mô tả những thái độ độc quyền này, ý thức về vị trí trung tâm của nhóm, cảm giác về

⁹ Theo một giai thoại về Nguyễn Đình Chiểu

tính độc đáo văn hóa và thái độ về tính ưu việt, hạ thấp các dân tộc khác” (Smith, 1987, p.47)¹⁰. Tâm thức duy nhất và loại trừ này có xu hướng phát triển mạnh mẽ trong những hoàn cảnh mà niềm tự hào về căn tính, bản sắc dân tộc bị tổn thương sâu sắc bởi một cú sốc văn hóa bất ngờ và dữ dội khi tương tác, va đập với một xung lực bên ngoài.

Trong những hoàn cảnh như vậy, giới trí thức dân tộc thường là thành phần rất nhạy cảm với những biểu hiện đôi khi hết sức nhỏ nhặt, tinh tế của các trạng thái biến dạng, tha hóa và nguy cơ của chúng đối với tính toàn vẹn, loại biệt của cộng đồng. Tiếng nói của họ là tiếng nói cảnh báo sớm và có ý nghĩa đặc biệt trong việc kêu gọi, thúc đẩy sự trỗi dậy mạnh mẽ của nội lực đề kháng, của ý thức bảo vệ căn tính, bản sắc văn hóa dân tộc. Đáng chú ý là trong văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX, tiếng nói thể hiện ý thức bảo vệ bản sắc dân tộc và thái độ khinh miệt, dị ứng của các tác giả đối với văn hóa Tây Dương lại dựa trên định kiến kì thị *Hoa Hạ - Man Di* có nguồn gốc từ lịch sử tương tác lâu đời giữa Trung Hoa với các quốc gia xung quanh, trong đó có Việt Nam. Theo đó, từ những tên gọi mà người Trung Hoa xưa dùng để thể hiện niềm tự hào của mình về một dân tộc nằm ở trung tâm của vùng văn hóa chữ Hán trong tương quan với những dân tộc ở khu vực ngoại biên bị xem là Nam man, Tây Di, Bắc Địch, *Hoa Hạ* giờ đây lại được các trí thức Nho học Việt Nam vận dụng, cải biến để thể hiện niềm tự hào, tự tôn của một dân tộc có truyền thống, bản sắc văn hóa nhưng lại đang phải gánh chịu tổn thương bởi sự xâm lăng của một nền văn hóa ngoại lai, man rợ.

Tuy nhiên, cách gọi *Hoa - Di* mang màu sắc cải biến của các tác giả văn học yêu nước chống Pháp nửa cuối thế kỉ XIX không chỉ đơn giản là mang dấu ấn của quán tính tâm lí, do quá trình chịu ảnh hưởng bởi văn hóa Trung Hoa. Quan trọng hơn, nó phản ánh một niềm tin mạnh mẽ rằng bề dày truyền thống và nội lực văn hóa sẽ là nền tảng để dân tộc Việt có thể chống chọi, đứng vững trước áp lực va đập đáng sợ của văn hóa Tây Dương. Vậy nên, cách gọi *Hoa - Di* được sử dụng phổ biến trong văn học yêu nước chống Pháp cũng hướng tới mục đích kích hoạt niềm tự hào, ý thức bảo vệ tính cố kết, toàn vẹn và loại biệt của bản sắc dân tộc; kêu gọi cộng đồng thể hiện thái độ bất hợp tác, bất thỏa hiệp; khơi dậy làn sóng tâm lí cự tuyệt, dị ứng với bất cứ yếu tố gì có nguồn gốc Tây Dương. Với chủ ý đó, các tác giả thường bày tỏ tình cảm yêu ghét rạch ròi, dứt khoát đúng với khí cách ngang tàng, trực tính, khẳng khái của người Nam Bộ: “Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ” (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu), “Ánh áng nghiệp mấy tòa kim ốc, đồng tro tàn vì một mũi xung tiêu; Lũ phần chi mấy mặt xuân phong, mùi tanh khét há chung hơi dị loại” (Hịch của Nguyễn Tri Phương kêu gọi giáo dân và Hoa kiều đánh Tây - 951)... Họ lớn tiếng cảnh báo nguy cơ của làn sóng xâm thực văn hóa đang mở rộng tầm tác động đáng sợ của nó ở cả chiều rộng lẫn chiều sâu: “Từ Bến Thành trải qua Chợ Sỏi, mùi tinh chiên xí xố biết bao nhiêu; Nơi Chợ lớn trải tới Cầu Thương quân mọi rợ lầy lừng nên quá lắm” (*Phủ Gia Định thất thủ* của

¹⁰ Nguyên văn: “all pre- modern ethnic combine, in varying degrees, a sense of collective uniqueness and centrality. To the members, the group stands at the centre of their physical and moral universe. The sentiments and attitudes of group members are normally focused on the group itself to the exclusion, more or less explicit, of outsiders, and there is a corresponding disdain or fear of external life-styles. Hence, the term ethnocentrism to describe these exclusive attitudes, the sense of group centrality, the feelings of cultural uniqueness and the attitude of superiority lowarms other peoples and their mores”. (Smith, 1987, p.47)

một tác giả khuyết danh), “Sau trước vầy đàng tả đạo, dân ta đòi bữa đòi suy; Đêm ngày ỏi tiếng Lang Sa, thế nó càng ngày càng lộng” (*Gia Định phú*)... Từ thực trạng đó, họ tha thiết kêu gọi cộng đồng: “Thà chết mà được câu địch khái” còn “Hơn sống mà chịu chữ đầu Tây ở với Man Di rất khó” (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu), “Dù đui mà khỏi danh nhơ - Còn hơn sáng mắt ăn dơ tanh rình” (*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*); hoặc bày tỏ tâm trạng xót xa, đau đớn khi nhìn cảnh “Bỏ Hạ theo Di buồn những kẻ- Ra Nho vào Mặc giận thay người” (Tác giả khuyết danh); hoặc không tiếc lời phê phán những kẻ “tham lợi an mình” mà “vong ân bội tổ”, chẳng biết “Tổ tiên đâu, mồ mả nước nào?” (*Hịch Quân Định*)...

Xét đến cùng, bên cạnh những yếu tố tích cực, tâm lý tự tôn, tự hào về căn tính, bản sắc dân tộc cũng có những yếu tố tiêu cực mà hạn chế dễ thấy của nó chính là thái độ bảo thủ, khép kín, ưu tiên cho mục đích bảo vệ sự thuần chất, toàn vẹn và loại biệt mà thiếu hẳn một tầm nhìn rộng, cởi mở, chấp nhận sự khác biệt. Tuy nhiên, tinh thần đề kháng văn hóa có phần cực đoan của giới trí thức Nam Bộ trong thực tế và trong văn học yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX là một xu hướng tất yếu và có thể giải thích được, bởi lẽ sứ mệnh quan trọng nhất của họ lúc này là dùng văn học để khơi dậy ý thức dân tộc, tinh thần tranh đấu không khoan nhượng trong bối cảnh cả cộng đồng phải căng sức chống chọi với một thế lực ngoại lai đáng sợ.

2.2.3. Ý thức về chủ quyền và trách nhiệm bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ

Ý thức dân tộc không chỉ là ý thức sở hữu một di sản chung về cội nguồn, lịch sử và truyền thống văn hóa mà còn là ý thức về chủ quyền bờ cõi, lãnh thổ và trách nhiệm của mỗi thành viên trong nỗ lực liên kết chặt chẽ, tạo thành sức mạnh của cộng đồng để bảo vệ quyền sở hữu lãnh thổ bất khả xâm phạm. Một dân tộc phải có mối quan hệ cộng sinh hữu cơ với lãnh thổ mà nó tồn tại bởi đó là không gian sinh tồn, là nơi lưu giữ những ký ức chung và thiêng liêng của nhiều thế hệ với một trung tâm mang tính biểu tượng và một phạm vi địa lý xác định để mỗi thành viên trong cộng đồng đều ý thức được những quyền hạn nhất định với lãnh thổ mà mình sở hữu, trong đó có quyền tự chủ, tự quyết. Đó còn là môi trường nguồn cội gắn kết mọi cá nhân thuộc một dân tộc đã và đang sống trong nó hoặc bị tách rời khỏi nó nhưng luôn mang tâm thức “thuộc về”, “hướng về”. Vì tầm quan trọng đó, bờ cõi, lãnh thổ, sông núi từng được Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi nhắc đến trong những văn bản tuyên ngôn mẫu mực với tư cách là một nhân tố tham gia cấu thành khái niệm Nước, để trên cơ sở đó, xác lập chủ quyền của dân tộc Việt Nam trên đất nước Việt Nam. Cho nên, dân phải gắn liền với nước và bờ cõi, lãnh thổ, đất nước phải gắn liền với chủ quyền của một dân tộc. Đó là mối quan hệ mật thiết, máu thịt mà Bhikhu Parekh trong *Tinh thần lấy chủng tộc làm trung tâm trong các diễn ngôn dân tộc chủ nghĩa* hình dung như là mối quan hệ của con người với thân thể của họ: “Đối với các tác giả theo chủ nghĩa dân tộc, một dân tộc gắn bó sâu sắc với một lãnh thổ cụ thể, quê hương trên đất của nó, và có liên hệ với nó theo cách ít nhiều giống như con người có mối liên quan với thân thể của họ. Dân tộc và lãnh thổ của nó được liên kết mật thiết và thuộc về nhau” (Parekh, 1995, pp.25-52)¹¹. Vì được nhận thức như là những

¹¹ Nguyên văn: “For the nationalist writers, a nation was deeply attached to a specific territory, its earthly home, and was related to it in more or less the same way that the human person is related to his or her body. The nation and its territory were intimately linked and belonged to each other”. (Parekh, 1995, pp.25-52)

phần thân thể, những đơn vị tế bào trong một sinh thể toàn vẹn, thống nhất, tồn tại trên cùng một lãnh thổ nên mỗi cá thể trong cộng đồng luôn có ý thức gắn kết, chia sẻ với “người trong một nước” và hẳn nhiên, khi cả lãnh thổ hay một phần lãnh thổ sở hữu bị xâm phạm, bị cắt rời khỏi cơ thể thống nhất Dân - Nước thì hệ quả của nó bao giờ cũng là những tổn thương vật chất, tinh thần nặng nề. Do vậy, một cuộc tấn công, chiếm đóng, hay thậm chí chỉ là những động thái đe dọa chủ quyền lãnh thổ từ một thế lực bên ngoài, luôn làm dấy lên làn sóng cảnh báo, phản đối gay gắt và rộng khắp trong đại bộ phận cộng đồng. Cùng lúc đó, cơ chế phòng thủ được kích hoạt, sức mạnh tiềm ẩn của ý thức dân tộc trỗi dậy mạnh mẽ và các phong trào tranh đấu bảo vệ chủ quyền dân tộc bùng nổ như một hệ quả tất yếu...

Có thể tìm thấy những minh chứng sinh động cho sức trỗi dậy mạnh mẽ của ý thức dân tộc gắn liền với ý thức về chủ quyền lãnh thổ, tinh thần đấu tranh bảo vệ tính toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của dân tộc trong tiến trình phát triển của văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX. Ngay từ những ngày đầu của cuộc xâm lăng quân sự do người Pháp tiến hành khi quyết định thay đổi chiến lược, bất ngờ tấn công vào vùng đất Nam Bộ, giới trí thức dân tộc đã lên tiếng cảnh báo một hiểm họa sinh tử mà cả cộng đồng phải đối diện khi chứng kiến sức mạnh hủy diệt của đạn pháo Tây Dương và phần nô với những chủ trương đối phó lúng túng của triều đình nhà Nguyễn. Với họ, tiếng súng Tây không chỉ phá tan nát một buổi chợ bình yên mà còn là dấu hiệu cảnh báo cho vận mệnh, cơ đồ dân tộc đang rơi vào tình cảnh ngả nghiêng, khốn đốn và kéo theo đó là sự đứt gãy, sụp đổ từng mảng của mối liên kết cộng đồng chỉ vì một nước cờ sai: “Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây - Một bàn cờ thế phút sa tay” (*Chạy Tây* - Nguyễn Đình Chiểu). Họ bàng hoàng, đau đớn khi chứng kiến một phần lãnh thổ bị cắt rời và cùng với đó là một bộ phận trong cơ thể thống nhất của dân tộc phải chịu cảnh “đưa chia khăn xé”¹²: “Tan nhà căm nỗi câu li hận - Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa” (Phan Văn Trị). Họ trần trụi, uất hận với câu hỏi: “Ai khiến thằng Tây tới vậy à? - Đất bằng bỗng chốc nổi phong ba” (Bùi Hữu Nghĩa); than thở, băn khoăn với một kiếp nạn không mong muốn: “Trời Nam đang hội mở mang - Bỗng nhiên mắc lũ giặc loạn Tây Dương” (*Thơ chống Pháp và bè lũ tay sai* - Khuyết danh) hay miêu tả những cảnh tượng đau lòng của một “góc trời tuyết sương” Nam Bộ¹³ oằn oại trong mù mịt khói lửa chiến tranh: “Bến Nghé của tiền tan bọt nước - Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây” (Nguyễn Đình Chiểu), “Ngọn lửa Tam Tần phùng đất cháy - Chòm mây Ngũ Quý ngút trời bay” (Bùi Hữu Nghĩa)...

Nỗi đau đớn, căm hận nhanh chóng chuyển hóa thành những hành động phản kháng mạnh mẽ trong mọi khả năng mà người trí thức thực hiện được. Họ trực tiếp tham gia vào các phong trào khởi nghĩa, quyết tâm “Ném bút cầm giáo đánh bọn giặc hôi hám” (Đầu bút thao qua tảo xú cừu - *Vịnh trung thần nghĩa sĩ* - Khuyết danh). Những ai không có khả năng cầm giáo đánh giặc thì đồng lòng ủng hộ các phong trào dân tộc, thể hiện thái độ bất hợp tác, bất thỏa hiệp cùng kẻ xâm lược với tinh thần, “Nắng sương nay há đội trời chung” (Nguyễn Đình Chiểu). Đáng chú ý nhất là người trí thức Nam Bộ đã quyết định dùng ngòi bút làm vũ khí, thông qua văn học để truyền đạt tiếng nói hiệu triệu, cổ vũ tinh thần đấu tranh chống ngoại

¹² Trích từ câu: “*Vì ai khiến đưa chia khăn xé, nhìn giang san ba tỉnh luống thêm buồn*” trong bài *Văn tế Trương Định* của Nguyễn Đình Chiểu.

¹³ “*Sống thì chịu tuyết sương trời một góc, khó đem sừng ngựa hẹn quy kỳ*” (*Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục Tỉnh*)

xâm của cả cộng đồng. Tiếng nói của họ trong các tác phẩm có thể là tiếng nói bộc lộ quan điểm chính - tà, tình cảm yêu ghét phân minh để nêu cao lí tưởng chính nghĩa của cuộc đấu tranh: “Than ôi, súng hai lòng là súng bất nhân; Mối rẽ cờ ba sắc là cờ vô đạo” (Một bài hịch năm 1862); có thể là tiếng nói ngợi ca những chiến công hiển hách chấn động đất trời: “Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa - Kiếm bạt Kiên Giang khóc quỷ thần” (*Viếng Nguyễn Trung Trực*- Huỳnh Mẫn Đạt); có thể là tiếng nói cảm thương, chia sẻ với những anh hùng sa cơ thất bại khi phải đối đầu với một thế lực quân sự quá mạnh: “Giăng dưới nước tàu đồng, tàu sắt súng nổ hơn sấm ran; Kéo trên bờ ma ní, ma tà, đạn bay như mưa vải - Dầu những đại đồn thuở trước cũng khó toan đề trứng ngàn cân; Huống chi những cô lũy ngày nay, đầu dám chắc treo chuông một dải” (*Điều Trưng Định* - Nguyễn Đình Chiểu); có thể là tiếng khóc tiếc thương đầy bi tráng khi viếng, tế những anh hùng, nghĩa sĩ đã chiến đấu, hi sinh anh dũng hay cổ vũ cho tâm lòng địch khái, thù chết chẳng đầu Tây: “Một chắc sa trường rằng chữ Hạnh, nào hay da ngựa bọc thây; Trăm năm âm phủ ấy chữ quy, nào đợi gươm hùm treo mộ” (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*), “Làm người sao khỏi thác- Thác trung thần thác cũng thơm danh- Làm người ai chẳng tham danh - Lòng địch khái xin cho rõ tiết” (*Hịch Quân Định*), “Vả sức gấp trăm người khôn địch, phận hiếu nhi còn bỏ nhất sinh; Huống đánh Tây tám cõi đều ung, lòng nghĩa sĩ chi từ vạn tử” (*Hịch sĩ phu kêu gọi chống Pháp*); hoặc có thể là tiếng nói tuyệt mệnh tràn đầy hào khí của người anh hùng nơi pháp trường: “Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết - Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm” (Câu đối tuyệt mệnh của Nguyễn Hữu Huân 290)... Thế nhưng, dù mang giọng điệu hào sảng, khí khái hay ai oán, cảm thương; dù đề cập đến cái chết hay sự sống, chiến thắng hay thất bại... tiếng nói của các tác giả đều có một điểm chung, đó là xuất phát từ ý thức sâu sắc về chủ quyền lãnh thổ và tình cảm chân thành, mãnh liệt với quê hương, đất nước. Những tiếng nói đó đã góp phần vực dậy ý thức dân tộc, khởi xướng, thúc đẩy những phong trào kháng pháp phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, tạo nên một khí thế hùng hực tinh thần tranh đấu và hi sinh trong cộng đồng mà một bài ca dao phổ biến trên đất Nam Bộ giai đoạn này từng ghi nhận: “Giặc Sài Gòn đánh xuống - Binh ngoài Huế không vô - Anh em em đừng đợi đừng chờ - Để anh đi lấy đầu thằng mọi trắng về tế cờ nghĩa quân” (Nguyễn, 1987, p.14).

3. Kết luận

Ý thức dân tộc vốn đã hình thành từ rất lâu đời trong tiến trình dựng nước, giữ nước của người Việt Nam và không ngừng được tôi luyện, phát triển, đặc biệt là trong những thời đoạn lịch sử mà tính thuần nhất, toàn vẹn, loại biệt của bản sắc cũng như lãnh thổ, chủ quyền dân tộc đứng trước nguy cơ bị đe dọa bởi những tác động bên ngoài và cả những xung đột bên trong. Đó là một nhân tố luôn được chú ý nhắc nhở, khơi gợi trong văn học yêu nước Việt Nam kể từ khi giành lại quyền độc lập tự chủ sau thời kì 1000 năm Bắc thuộc nên sự phát triển của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX chắc chắn phải dựa trên cơ sở kế thừa mạch nguồn truyền thống để tiếp nối, làm giàu thêm truyền thống bằng những dấu ấn riêng. Do vậy, những biểu hiện, sắc thái sinh động của ý thức dân tộc trong văn học yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX cũng góp phần xác lập giá trị, vị trí và những đóng góp của bộ phận văn học này vào tiến trình phát triển của văn học yêu nước Việt Nam thời trung đại. Mặt khác, vì ý thức dân tộc là một trong những nhân tố làm nên nội lực đề kháng, sức sống trường

tồn của dân tộc nên mọi nỗ lực tìm hiểu bản chất, vai trò của ý thức dân tộc đều nhằm hiện thực hóa sức mạnh tiềm ẩn này thành nguồn động lực kích thích sự phát triển của đất nước. Điều này là hết sức cần thiết và có ý nghĩa gợi mở, đặc biệt là đối với những vấn đề liên quan đến vận hội, thách thức của các dân tộc trong bối cảnh tương tác, hội nhập toàn cầu hiện nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao, X. D. (Ed.). (1989). *Quoc trieu chinh bien toat yeu* [The Essential Summary of the Primary Records of the National Court]. Thuan Hoa Publishing House.
- Kamenka, E. (Editor). (1973). *Nationalism - The nature and evolution of an idea*. Australian National University Press.
- Le, T. V. (Ed.). (2000). *Tong tap van hoc Viet Nam* (Tập 15). [An Anthology of Vietnamese Literature]. (Vol. 15). Social Science Publishing House.
- Nguyen, T. T. X. (Ed.). (1987). *Sai Gon, Gia Dinh qua tho van xua* [Sai Gon, Gia Dinh in the Literature of Bygone Eras]. Ho Chi Minh City Publishing House.
- Parekh, B. (1995). Ethnocentricity of the nationalist discourse. *Nations and Nationalism*, 1(1), 25-52.
- Renan, E. (1990). "What is a Nation?". In *Nation and Narration*, edited by Homi K. Bhabha. London & New York: Routledge.
- Smith, A. D. (1987). *The Ethnic Origins of Nations*. Blackwell: Blackwell Publishing.
- Smith, A. D. (2010). *Nationalism- Theory, Ideology and History*. (Second editon). Polity Press.
- Seton -Watson, H. (1977). *Nations and States*. First published 1977, by Methuen & Co Ltd. II New Fetter Land, London.

NATIONAL CONSCIOUSNESS IN SOUTHERN VIETNAMESE PATRIOTIC LITERATURE IN THE LATE NINETEENTH CENTURY

Nguyễn Kim Châu

Can Tho University, Vietnam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Kim Châu – Email: nkchau@ctu.edu.vn

Received: October 23, 2024; Revied: February 20, 2024; Accepted: February 22, 2025

ABSTRACT

By gaining insight into the essence, structure, and role of national consciousness and its manifestations in Southern Vietnamese patriotic literature in the late nineteenth century, the paper argues that this literary period contributed to the evocation of Vietnamese national consciousness, and their awareness of origin, identity, historical and cultural tradition, and national territory and sovereignty, thereby promoting the spirit of unity and the power of national independence movements during the French invasion of Vietnam. It is also based on these diverse and multifaceted manifestations of national consciousness in Southern Vietnamese patriotic literature in the late nineteenth century that the features, values, and position of this literary period can be indicated.

Keywords: nation; nationalism; national consciousness; Southern Vietnamese patriotic literature